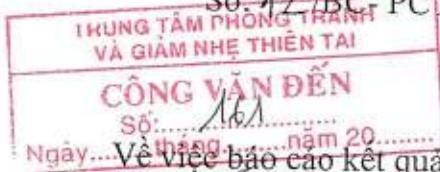


Số: 42/BC PCTT

Hậu Giang, ngày 1 tháng 03 năm 2015



BÁO CÁO

Về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 -2014

Căn cứ Công văn số: 186/TCTL ngày 09 tháng 02 năm 2015 của Tổng Cục Thủy Lợi về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 - 2014;

Căn cứ Công văn số: 603/VP. UBND – KTN ngày 25 tháng 02 năm 2015 của văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 -2014.

Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai – TKCN tỉnh xin báo cáo như sau:

1. Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án từ năm 2009 – 2014.

Tỉnh Hậu Giang lập kế hoạch thực hiện “ Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tại Quyết định số: 979/QĐ- UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Năm 2014 Trung Tâm Phòng Tránh và Giảm Nhẹ Thiên Tai phối hợp với văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai- TKCN tỉnh triển khai được 03 lớp cho 03 xã gồm (Xã Đông Phước – huyện Châu Thành; Xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ; Xã Hòa Tiến Thành Phố Vị Thanh). Với tổng số người tham gia là 45 người (Bao gồm lãnh đạo, cán bộ cấp xã và trưởng, phó trưởng ấp)

2. Kết quả thực hiện đề án:

Trên địa bàn tỉnh Hậu giang đã triển khai được 03 lớp cho 03 xã mang lại hiệu quả rất cao cho công tác phòng chống thiên tai – TKCN ở địa phương. Giúp cho địa phương tìm ra những giải pháp, mô hình công tác chỉ đạo sáng suốt và có hiệu quả hơn trong sản xuất nông nghiệp phù hợp trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay. Nhằm giảm thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân.

Qua công tác triển khai Đề án này đã tạo được sự chuyển biến tích cực nhận thức trong tầng lớp cán bộ dân chính xã và người dân về ý thức tự phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Có bước nhận thức khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện những kiến thức được phổ biến cho nhân dân, góp phần tích cực

về nhận thức trong cộng đồng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai

2. Đề xuất, kiến nghị:

- Theo Công văn số 65/GNTT ngày 22/4/2014 của Trung Tâm Phòng Tránh và Giảm Nhẹ Thiên Tai. Trong đó có hỗ trợ tập huấn cho tỉnh Hậu Giang 05 lớp tập huấn, mà mới triển khai được 03 lớp cho 03 xã. Còn lại 02 lớp đề nghị Trung Tâm Phòng tránh Giảm nhẹ thiên tai tiếp tục triển khai năm 2015.

- Từ năm 2009 đến 2014 và các năm tiếp theo tỉnh Hậu Giang không có nguồn vốn để bố trí kinh phí triển khai Đề án. Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống, thiên tai – TKCN tỉnh kính đề nghị Tổng Cục Thủy Lợi tham mưu cho Bộ Nông Nghiệp và PTNT; Bộ kế hoạch Đầu Tư và Bộ Tài Chính bố trí vốn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai – TKCN tỉnh Hậu Giang để triển khai Đề án theo kế hoạch thực hiện “Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được phê duyệt tại Quyết định số: 979/QĐ- UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Trên đây là báo cáo thực hiện “Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 và 2014 của văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai – TKCN tỉnh. *LDU*

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy Lợi;
- UBND tỉnh để B/C
- Lưu Vp.

BAN CHỈ HUY PCTT – TKCN TỈNH CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Phước Đại

PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

Tỉnh: Hậu Giang
Cán bộ thực hiện: Trần Hoàng Thủy



Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Chưa ban hành		
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Chưa ban hành		
Chỉ số 2A	Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 2B	Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã báo cáo 2009 - 2014		
Chỉ số 3	Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án được xác định theo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai

Chỉ số	(1)	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	3 huyện		đưa vào công đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011.
		Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	3 xã		<Liệt kê các huyện đã có hệ thống thực hiện Đề án>
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	1 nữ		<Liệt kê các xã đã có hệ thống thực hiện Đề án>
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng	1 nữ, Huyện Phụng Hiệp		
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng	Huyện Châu Thành Xã Đông Phước : 2 nữ Huyện Long Mỹ Xã Vĩnh Thuận Đông : 02 nữ TP Vị Thanh Xã Hòa Tiến : 04 nữ		
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp					

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 5A = 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCC	Số lượng	Nam: 01 Nữ: không		
	Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Số lượng	Nam: 1 Nữ: không		
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCC	Tỷ lệ %	- Tổng cộng 14 người, Nghĩa là: Mỗi huyện 02 người	Huyện A: Huyện B:	
	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCC	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 6A = 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCC	Số lượng	Nam: 27		< Đối ngũ cán bộ giảng viên cấp tỉnh

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
DVCD	DVCD (6A1)		Nữ: 02 Nam: Nữ:		sau khi được đào tạo hiện giờ đang làm gì? Khi cần tình có hay động được không và có nắm rõ được họ thay đổi cơ quan hay không?>
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	24 người (Long Mỹ 4 người; Vị Thủy 4 người; Vị Thanh 3 Người; Phụng Hiệp 3 người; Ngã Bảy 3 người; Châu Thành 3 người; Châu Thành A 3 người)		
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện Châu Thành Xã Đông Phước 15 người Huyện Long Mỹ Xã Vĩnh Thuận Đông 15 người TP Vị Thanh Xã Hòa Tiến 15 người	
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: 5 Nữ: 1		<Quyết định thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh, huyện, xã>
	Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6D1)				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam: 5 Nữ: 1		
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	24 người (Long Mỹ 4 người; Vị Thủy 4 người; Vị Thanh 3 Người; Phụng Hiệp 3 người; Ngã Bảy 3 người; Châu Thành 3 người; Châu Thành A 3 người)		<Liệt kê các huyện đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật-số lượng cán bộ được đào tạo của từng huyện-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn kinh phí>
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện Châu Thành Xã Đông Phước 15 người Huyện Long Mỹ Xã Vĩnh Thuận Đông 15 người TP Vị Thanh Xã Hòa Tiến 15 người Huyện A Xã A: Xã B:	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo	Tỷ lệ %			<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	về QLRRTT-DVCD		Không có Xã A: Xã B:	QLRRTT-DVCD cho nhóm cộng đồng, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai tại cộng đồng hàng năm	Số lượng	74		<Liệt kê các xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B:	Phương thức tập huấn, tuyên truyền có thể là tổ chức các lớp tập huấn, diễn kịch, tờ rơi, panô áp phích, đăng tải trên báo, v.v...
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	Số lượng	2		<Liệt kê xã đã triển khai diễn tập hàng năm-các loại hình
	Tổng số xã năm trong danh	Số lượng	Không có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)				điền tập-năm thực hiện-kính phi-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có		Liệt kê danh mục các tài liệu đã sử dụng trong phần thông tin bổ sung của biểu mẫu báo cáo
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	7		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn-tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	74		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn-tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có	Đã có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 11B= $11B1/11B2*100$ %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	7		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 11C= $11C1/11C2*100$ %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	74		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 12A= $12A1/12A2*100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	74		<Liệt kê xã đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 13A= $13A1/13A2*100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	74		<Liệt kê xã đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100 %	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2) Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng	03 xã		của địa phương-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ> <Liệt kê xã đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ -năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*10 0%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	03 xã		<Liệt kê xã đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	70	Chưa có	Các trang thiết bị phục vụ công tác thực hiện Đề án được hiểu là các thiết bị phân cứng, phần mềm để thực hiện các hoạt động của Đề án như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Huyện B:	Chưa có	<Liệt kê huyện được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	Chưa triển khai trang bị đến xã	<Liệt kê xã được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Chưa có		<Tên đơn vị, cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai>
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng	Chưa có		<Liệt kê xã đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)														
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng	70		<p>thiên tai-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ></p> <p>Hệ thống truyền tin, canh báo sớm thiên tai đến cộng đồng được hiểu là hệ thống hoặc phương thức hiện đại/truyền thông đảm bảo thông tin đến cộng đồng người dân đúng thời gian, dễ hiểu và người dân biết cách phòng, chống thiên tai</p>														
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %		<table border="1"> <tr><td>Huyện A</td><td>Xã A:</td></tr> <tr><td></td><td>Xã B:</td></tr> <tr><td></td><td>.....</td></tr> <tr><td>Huyện B</td><td>Xã A:</td></tr> <tr><td></td><td>Xã B:</td></tr> <tr><td></td><td>.....</td></tr> <tr><td>.....</td><td>.....</td></tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		Huyện B	Xã A:		Xã B:		
Huyện A	Xã A:																		
	Xã B:																		
																		
Huyện B	Xã A:																		
	Xã B:																		
																		
.....																		
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự	Số lượng	Chưa có		<Liệt kê xã có danh mục công														

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
%	tham vấn cộng đồng	Số lượng	70		trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %	Chưa có	Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B:	<Liệt kê xã xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ phòng chống và GNTT-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được	Số lượng	Nam: Nữ:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đào tạo, tập huấn về QLRRTT		Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22C	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	huấn về QLRRTT		Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ: Nam:		
	Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa	Số lượng	Nam:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nữ: Nam: Nữ: Nam: Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ: Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ: Nam: Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)		
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)		
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100 %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)		
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100 %	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Tổng số các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)		
		Số lượng	Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)		
		Số lượng	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	Số lượng			
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			
Chỉ số 27C= 27C1/27C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kính phí được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh/thành phố cho hoạt động của Đề án>
	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn	Tỷ lệ %		Huyện A:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kinh phí thực hiện Đề án do người dân đóng góp>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)								
				<table border="1"> <tr> <td data-bbox="336 535 400 666">Huyện B</td> <td data-bbox="336 326 400 535">Xã A:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="400 535 456 666">.....</td> <td data-bbox="400 326 456 535">Xã B:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="456 535 504 666">.....</td> <td data-bbox="456 326 504 535">.....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="504 535 555 666">.....</td> <td data-bbox="504 326 555 535">.....</td> </tr> </table>	Huyện B	Xã A:	Xã B:	
Huyện B	Xã A:												
.....	Xã B:												
.....												
.....												